

Bài 8

CỘNG HOÀ LIÊN BANG BRA-XIN

Tiết 1 KHÁI QUÁT VỀ BRA-XIN

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Bra-xin.
- Nắm được những đặc điểm chính về dân cư, xã hội của Bra-xin.
- Nắm được những đặc điểm chính về tình hình phát triển kinh tế Bra-xin.

2. Kỹ năng

Sử dụng bản đồ (lược đồ), biểu bảng để nhận xét đặc điểm tự nhiên, dân cư, phân bố công nghiệp của Bra-xin.

3. Thái độ

Hình thành quan điểm : Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng và tiến bộ xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Mĩ La tinh.
- Lược đồ Các trung tâm công nghiệp chính của Bra-xin (phóng to theo SGK).
- Một số ảnh về đất nước và con người Bra-xin.

III. TRỌNG TÂM BÀI HỌC

- Đặc điểm khái quát về tự nhiên, dân cư Bra-xin.
- Công nghiệp hoá đất nước sớm và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mục I. Điều kiện tự nhiên

Hoạt động 1 : Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên Bra-xin

Hoạt động toàn lớp với bản đồ Địa lí tự nhiên Mĩ La-tinh

GV giới thiệu về lãnh thổ Bra-xin. Sau đó đặt câu hỏi : "Quan sát bản đồ Địa lí tự nhiên Mĩ La-tinh, kết hợp với lược đồ trong SGK, hãy cho biết Bra-xin nằm giữa những khoảng vĩ độ nào ? Từ đó, cho biết Bra-xin có những loại khí hậu nào ?"

Sau khi kết luận các ý HS trả lời đúng, GV dùng tranh ảnh, bản đồ, kết hợp với chuyện kể, giảng giải để HS hiểu sâu thêm một số nét về tự nhiên ở đồng bằng A-ma-dôn và cao nguyên Bra-xin. Sau đó, đặt câu hỏi cho toàn lớp : "Với những đặc điểm như trên, tự nhiên Bra-xin có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế ?"

Mục II. Dân cư

Hoạt động 2 : Tìm hiểu về dân cư Bra-xin

– HS làm việc theo nhóm cặp đôi, đọc bảng 8.1 và thông tin ở mục II, trả lời câu hỏi kèm theo. Kết hợp với thông tin tiếp ở mục này, nêu đặc điểm khái quát về dân cư và dân tộc Bra-xin.

– Sau khi HS trả lời, GV khẳng định ý đúng, mở rộng, nhấn mạnh sự thống nhất cao của cộng đồng dân cư Bra-xin và đặc điểm của tôn giáo, ngôn ngữ.

Mục III. Tình hình phát triển kinh tế

Hoạt động 3 : Tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế

HS làm việc theo nhóm cặp đôi, phân tích bảng 8.2 và thông tin kèm theo, trả lời hai câu hỏi giữa mục.

HS quan sát lược đồ Các trung tâm công nghiệp chính của Bra-xin, kết hợp với bản đồ kinh tế treo tường, trả lời câu hỏi trong SGK.

Mục IV. Những vấn đề xã hội cần giải quyết

Hoạt động 4 : Tìm hiểu về những vấn đề xã hội

HS tiếp tục làm việc theo nhóm cặp đôi, đọc các thông tin ở mục III, cùng nhau trao đổi, nêu khái quát những khó khăn về mặt xã hội cần phải giải quyết hiện nay của Bra-xin là gì ?

Sau khi HS trả lời, GV kết luận các ý đúng (chênh lệch sâu sắc mức sống giữa một số ít người giàu có và bộ phận lớn dân cư nghèo, vấn đề xã hội và môi trường đô thị, nợ nước ngoài nhiều và tăng nhanh, chênh lệch lớn giữa các vùng về sự phát triển), kết hợp cho HS quan sát một số tranh ảnh về các căn nhà ổ chuột, về sự phát triển khác biệt giữa các vùng trong nước,...

V. THÔNG TIN

Bra-xin có diện tích đứng thứ 5 thế giới (sau LB Nga, Ca-na-đa, Hoa Kỳ, Trung Quốc). Dân số đứng thứ 5 thế giới (sau Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, In-đô-nê-xi-a).

Mật độ dân số : 22 người/km² (năm 2005).

Dân số thành thị : 81% (năm 2005).

Dân số nông thôn : 19% (năm 2005).

Ngôn ngữ : Bồ Đào Nha (ngôn ngữ chính), Tây Ban Nha, Anh, Pháp.

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên : 1,4% (năm 2005)

Tuổi thọ trung bình : 71 tuổi (năm 2005)

Tuổi thọ trung bình nam giới : 68 tuổi (năm 2005)

Tuổi thọ trung bình nữ giới : 75 tuổi (năm 2005)

Thu nhập quốc dân (GDP) : 604,8 tỉ USD (năm 2004)

GDP/đầu người : 3377 USD/người (2004)

Bờ biển : 7491km

Khí hậu : chủ yếu có khí hậu xích đạo, nhiệt đới, riêng ở miền Nam có khí hậu cận nhiệt gió mùa.

Tài nguyên thiên nhiên : quặng sắt, mangan, bôxít, niken, uranium, photphát, thiếc, thủy điện, vàng, bạch kim, dầu mỏ, gỗ.

Đất sử dụng :

Canh tác thời vụ : 7%

Canh tác lưu niên : 1%

Đồng cỏ : 19%

Rừng và đất trồng cây : 67%

Các dạng sử dụng khác : 6%

Môi trường :

Các vấn đề hiện nay : nạn phá rừng ở vùng đồng bằng A-ma-dôn ; ô nhiễm nước và không khí ở Riô đê Gia-nê-rô, Xao Pao-lô và một số thành phố lớn khác, đất đai thoái hoá và ô nhiễm nước do các hoạt động khai thác mỏ không phù hợp.

Thiên tai : Hạn hán ở miền Đông Bắc, lụt ở miền Nam.

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ, THỜI KÌ 1985 - 2003

Năm	1985	1990	1995	2000	2001	2002	2003
Sản lượng than (nghìn tấn)	8501	5065	5731	7399	6232	5670	6380
Sản lượng dầu thô khai thác (nghìn thùng/ngày)	564,0	630,5	695,4	1269,0	1295,1	1455,2	1496,1